**PHỤ LỤC SỐ 05**

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty CP Sách và Thiết bị**  **Bình Thuận**  **-----------------**  Số: 17/QTCT-2016 | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  **---------------------**  Bình Thuận, ngày 5 tháng 1 năm 2017 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Năm 2016)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kính gửi:** | **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội** | |
|  | |

- Tên công ty niêm yết: Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận.

- Địa chỉ trụ sở chính: 70 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Phan Thiết - Bình Thuận.

- Điện thoại: 062 3816118 Fax: 062 3817595, Email: stbbinhthuan@gmail.com

- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

- Mã chứng khoán: BST

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
| 1 | Số:70/NQ-ĐHCĐ-2016 | 9/4/2016 | Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2016. |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)*:***

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|  | Ông: Nguyễn Văn So | C.Tịch HĐQT |  | 4 | 100% |  |
|  | Ông: Nguyễn Trường Quang | PCT  HĐQT |  | 4 | 100% |  |
|  | Ông: Nguyễn Minh Hà | TV |  | 4 | 100% |  |
|  | Ông: Nguyễn Khoa Tuyển | TV |  | 4 | 100% |  |
|  | Ông: Trần Ngọc Trang | TV |  | 4 | 100% |  |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc*:* 04 lần.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*:*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)*:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
| 1  2  3  4  5 | Số: 01/NQ-HĐQT  Số: 41/HĐQT-2016  Số: 164/HĐQT-2016  Số: 211/NQ-HĐQT  Số: 230/HĐQT-2016 | 04/01/2016  27/02/2016  23/7/2016  20/9/2016  15/10/2016 | Nghị quyết HĐQT trả cổ tức đợt 2/2015   1. Kiểm điểm hoạt động của HĐQT năm 2015. 2. Kiểm điểm sự điều hành của Ban Giám đốc năm 2015. 3. Quyết nghị các chỉ tiêu kinh doanh tài chính năm 2015. 4. Quyết nghị chương trình công tác năm 2016 của HĐQT. Thông qua kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2016. 5. Kiểm điểm công tác 6 tháng đầu năm 2016 của HĐQT. 6. Kiểm điểm sự điều hành của Ban Giám đốc. 7. Quyết nghị chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2016 của HĐQT.   V/v: Tạm ứng trả cổ tức đợt 1 năm 2016   1. Kiểm điểm công tác 9 tháng năm 2016. 2. Kiểm điểm sự điều hành của Ban Giám đốc. 3. Quyết nghị chương trình công tác quý 4 năm 2016 của HĐQT. |

**III. Ban kiểm soát** (Báo cáo năm)*:*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)*:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|  | Ông: Bùi Đình Thiện | Trưởng ban KS |  | 1 | 100% |  |
|  | Ông: Lê Trung Nhân | TV |  | 1 | 100% |  |
|  | Ông: Trần Hữu Sơn | TV |  | 1 | 100% |  |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông*:*

- Tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng.

- Tham gia họp HĐQT hàng quý.

- Tham gia với đoàn kiểm toán độc lập kiểm tra báo cáo tài chính bán niên, năm.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác*:* Không có

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)*:* Không có

**IV. Đào tạo về quản trị công ty*:***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty*:*

**V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty :**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T**  **T** | **Tên tổ chức/cá nhân** | **Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)** | **Chức vụ tại công ty (nếu có)** | **Số Giấy NSH\*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*** | **Ngày cấp** | **Nơi cấp** | **Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ** | **Thời điểm không còn là người có liên quan** | **Lý do** |
| 1 | Nguyễn Văn So |  | CTHĐQT | 260065343 | 23.09.2003 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 2 | Nguyễn Trường Quang |  | PCTHĐQT | 260735696 | 31.05.2005 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 3 | Trần Ngọc Trang |  | HĐQT | 260232389 | 29.03.97 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 4 | Nguyễn Minh Hà |  | HĐQT | 260935170 | 14.01.1999 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 5 | Nguyễn Khoa Tuyển |  | HĐQT | 260510627 | 12.1.2006 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 6 | Bùi Đình Thiện |  | TBKS | 260681757 | 09.09.1999 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 7 | Trần Hữu Sơn |  | BKS | 260823501 | 8.3.2012 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |
| 8 | Lê Trung Nhân |  | BKS | 260508628 | 11.11.2008 | Bình Thuận |  |  | Trúng cử |

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ*.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức/cá nhân** | **Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)** | **Chức vụ tại công ty (nếu có)** | **Số Giấy NSH\*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*** | **Ngày cấp** | **Nơi cấp** | **Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ** | **Số cổ phần sở hữu** | **Quan  hệ  với  CĐNB** | **Ghi chú** |
| **1** | **Nguyễn Văn So** |  | **CT**  **HĐQT** | **260065343** | **23.09.2003** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **9.062** |  |  |
|  | Nguyễn Thị Ngọc Anh |  |  | 260065315 | 15.02.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Nguyễn Sĩ Trung Kiên |  |  | 260870168 | 11.01.2001 | Bình Thuận | Bình Thuận | **567** | Con |  |
|  | Nguyễn Sĩ Trung Chính |  |  | 260949971 | 19.12.2005 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Nguyễn Sĩ Trung Tín |  |  |  |  | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
| **2** | **Nguyễn Trường Quang** |  | **PCT**  **HĐQT** | **260735696** | **31.05.2005** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **40.000** |  |  |
|  | Nguyễn Thị Chính |  |  | 261230488 | 03.03.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Nguyễn Lan Anh |  |  | 260924224 | 05.03.1999 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Nguyễn Hiển Minh |  |  | 261230940 | 13.07.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
| **3** | **Trần Ngọc Trang** |  | **HĐQT** | **260232389** | **29.03.97** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **18.946** |  |  |
|  | Nguyễn Thị Lập |  |  | 260232376 | 13.11.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Trần Thị Thảo Nguyên |  |  | 24801805 | 05.09.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Trần Nguyễn Thảo Uyên |  |  | 260877470 | 08.09.2006 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Trần Hùng Trí |  |  | 261222729 | 14.06.2007 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
| **4** | **Nguyễn Minh Hà** |  | **HĐQT** | **260935170** | **14.01.1999** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **56.588** |  |  |
|  | Nguyễn Thị Bạch Tuyết |  |  | 260572871 | 05.02.2004 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Nguyễn Thị Tuyết Ngọc |  |  | 261403462 | 31.5.2012 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Nguyễn Quang Khải |  |  |  |  | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con | 2001 |
| **5** | **Nguyễn Khoa Tuyển** |  | **HĐQT** | **260510627** | **12.1.2006** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **17.084** |  |  |
|  | Hùynh Thị Ánh Hồng |  |  | 260776652 | 10.1.2008 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Nguyễn Khoa Thịnh |  |  | 201331263 | 26.1.2010 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Nguyễn Tấn Phát |  |  |  |  | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con | 2001 |
| **6** | **Bùi Đình Thiện** |  | **TBKS** | **260681757** | **09.09.1999** | **Bình Thuận** | Bình Thuận | **3.649** |  |  |
|  | Văn Thị Nghĩa |  |  | 266191641 | 09.09.1999 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Bùi Thị Hải Âu |  |  | 260831109 | 05.07.1994 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Bùi Thị Pha Lê |  |  | 260877949 | 19.02.1997 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Bùi Đình Hải Đăng |  |  | 260926731 | 09.04.1999 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
| **7** | **Trần Hữu Sơn** |  | **BKS** | 260823501 | 8.3.2012 | Bình Thuận | Bình Thuận | **5.124** |  |  |
|  | Vũ Thị Thu Hà |  |  | 260877011 | 3.8.2012 | Bình Thuận | Bình Thuận | **900** | Vợ |  |
|  | Trần Phúc Lâm |  |  |  |  | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con | 2008 |
| **8** | **Lê Trung Nhân** |  | **BKS** | 260508628 | 11.11.2008 | Bình Thuận | Bình Thuận | **3.505** |  |  |
|  | Trương Trọng Ngọc Hà |  |  | 260492828 | 11.01.2008 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Vợ |  |
|  | Lê Ngọc Ngân |  |  | 261382892 | 02.08.2011 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |
|  | Lê Ngọc Nghĩa |  |  | 261524509 | 01.07.2013 | Bình Thuận | Bình Thuận |  | Con |  |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Mua cổ phần của Công ty CP và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (42.792 CP = 427.920.000đồng)

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo: Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

**VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Không có

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Người thực hiện  giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|  |  |  | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| 1  2  3 | Nguyễn Khoa Tuyển  Trần Hữu Sơn  Nguyễn Minh Hà | TV HĐQT  TV BKS  TV HĐQT | 14.984  4.000  47.588 | 1,36%  0,36%  4,33% | 17.084  5.124  56.588 | 1,55%  0,47%  5,14% | Cơ cấu lại CP  Cơ cấu lại CP  Cơ cấu lại CP |

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH HĐQT** |

**PHỤ LỤC SỐ 06****APPENDIX 06**

BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG  
*REPORT ON THE DAY BECOME / IS NO LONGER MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES*  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*  
---------------**

*…….., ngày ... tháng ... năm ………..  
………, day ... month ... year …………*

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG  
*REPORT ON THE DAY BECOMING/NO LONGER BEING MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch Chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/institutional investor:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone*: ………. Fax: ……….. Email: …… Website: ……….

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) /*Related persons (currently holding the same types of shares/ fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan /*Full name of related individual/Name of institution:*

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ *Number of shares /fund certificate purchase/sell/give/donate/donated/ inheritance/transfer/transferred/swap at date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction (or swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ *Trading dateon which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/ *Number, onwership proportion of shares/ fund certificates currently held by the related person:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/organization investor together with related persons after the transaction:*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION****(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**PHỤ LỤC SỐ 07****APPENDIX 07**

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG *REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*  
---------------**

*…….., ngày ... tháng ... năm ……  
…….., day ... month ... year …..*

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG  
*REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch Chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/ The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/organization investor:*

- Quốc tịch/ *Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone*: …….. Fax: …… Email: ……… Website: ……………

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) / *Related person (currently holding the same types of shares/ fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan / *Full name of related individual/organization:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*.

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi *(làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/ Number of shares / fund certificate purchase/sell/ give/donate/donated/inheritance/transfer/transferred/swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction:*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/ Number, *onwerhsip proportion of shares/ closed fund certificates currently held by the related person:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor and related person after the transaction:*

10. Lý do thay đổi sở hữu/ *Reasons for change in ownership*:

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Date of change in ownership*:

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ *Other significant changes (if any)*:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION****(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**PHỤ LỤC SỐ 08****APPENDIX 08**

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP  
*NOTICE OF TRANSACTIONS OF FOUNDING SHAREHOLDERS*

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*  
---------------**

*………., ngày ... tháng ... năm …..  
………, day ... month ... year ……*

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP  
*NOTICE OF TRANSACTIONS OF FOUNDING SHAREHOLDERS***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company* |

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/ *Information about the founding shareholder of the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization*:

- Quốc tịch/ *Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue*.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone*: …….. Fax: ……. Email: ………… Website: ……….

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/ *Current position in company (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/ *Name/code of securities:*

3. Phương thức thực hiện giao dịch/ *Transaction execution method:*

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares held by the transferor before conducting transaction:*

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/ *Number of shares registered for trading:*

6. Tên tổ chức/Họ và tên cá nhân nhận chuyển nhượng / *Name of the transferee(\*)*:

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone*: ………. Fax: ………… Email: …… Website: ………..

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có) /*Current position in company (if any)*:

- Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/ *Relationship with transferor (if any)*:

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account*:

- Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại công ty (nếu có)/ *Current position of related person in company (if any):*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ/ *Number, ownership proportion of shares held by related person:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of share held by the tranferee held before the transaction:*

8. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày .... đến ngày …../ *Indicative transaction period: from ….. to…..*

(\*): Trường hợp người được chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện giao dịch phải gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho việc chuyển nhượng trên/ *In the event that transferees are not founding shareholders, transaction executor shall need to submit the Resolution of General Meeting of Shareholders on approval of the above transfer*.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION****(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**PHỤ LỤC SỐ 09****APPENDIX 09**

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP  
*REPORT ON TRANSACTION RESULT OF FOUNDING SHAREHOLDERS**(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*   
---------------**

*………., ngày ... tháng ... năm ...  
………., day ... month ... year ...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP  
*REPORT ON TRANSACTION RESULT OF FOUNDING SHAREHOLDERS***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch Chứng khoán - Công ty đại chúng |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company* |

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/ *Information about the founding shareholder of the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/ *Current position in company (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/ *Name/code of securities:*

3. Phương thức thực hiện giao dịch/ *Transaction execution method:*

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares held by the transferor before conducting transaction:*

5. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng/ *Information about the organization/individual transferees:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/ *Current position in company (if any):*

- Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/ *Relationship with transferor (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account:*

6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of share held by the tranferee held before the transaction:*

7. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/ *Number of shares registered for trading:*

8. Số lượng cổ phiếu thực hiện giao dịch/ *Volume of trading shares:*

9. Số lượng cổ phiếu bên chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number of share held by the transferor held after the transaction:*

10. Số lượng cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number of share held by the tranferee held after the transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày …… đến ngày ………. *Transaction period: from …. to…*

12. Lý do không hoàn tất giao dịch/ *The reason not to complete the transaction:*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION****(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**PHỤ LỤC SỐ 10****APPENDIX 10**

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
*NOTICE OF TRANSACTION INSHARES/ FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*   
---------------**

*………, ngày ... tháng ... năm ...  
..……, day ... month ... year ...*

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
***NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/ FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON.***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/ The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization that conducts the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization*:

- Quốc tịch/ *Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above*:…………. tại công ty chứng khoán/ *In securities company:* ……………

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap.*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates expected to hold after the transaction:*

8. Mục đích thực hiện giao dịch/ *Purposes of transaction:*

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from* …… đến ngày/ *to*…..

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION****(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**PHỤ LỤC SỐ 11****APPENDIX 11**

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
*NOTICE OF TRANSACTION INCONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSONAND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*  
---------------**

*……….., ngày ... tháng ... năm ……..  
............, day ... month ... year ……….*

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/ The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:…………* tại công ty chứng khoán/ *In securities company: ………………….*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number, proportion securities/ fund certificates held before transaction in rights, convertible bond:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/ *Number of rights or convertible bond owned:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/ *Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)* đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated/inherit/ transfer/ transferred.*

9. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from* …… đến ngày/*to*….

|  |  |
| --- | --- |
| (\*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200)/*Being number of shares/fund certificates expected to purchase according to the execution ratio, for example, number of rights is 1000, execution ratio is 5:1, then the number of shares/fund certificates expected to purchase is 200)* | **CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION*** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - in case of organization)* |

**PHỤ LỤC SỐ 12****APPENDIX 12**

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
*REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*   
---------------**

*……..., ngày ... tháng ... năm ......  
 ……., day ... month ... year .......*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
*REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/ The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Posittion in the public company, the fund management company at registration date (if any):…………* và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ……………..(nêu rõ lý do) \*/ *and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company:*

*\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)*/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*…………… tại công ty chứng khoán/ *In securities company: ……………..*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred.*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) *\*\*/ Number of shares/fund certificates traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap)*.

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction:*

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from*……. đến ngày/*to*……..

|  |  |
| --- | --- |
| \*\* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/*\* (In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)* | **CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION*** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - in case of organization)* |

**PHỤ LỤC SỐ 13****APPENDIX 13**

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
*REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness*   
---------------**

*………., ngày ... tháng ... năm ………  
………., day ... month ... year ……….*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
*REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ |
| *To:* | *- The State Securities Commission - The Stock Exchange - The public company/ The fund management company* |

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization*:

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone* …….. Fax: ……… Email: ……… Website: …………

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Posittion in the public company, the public fund management company at registration date (if any)*:……… và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: …………. (nêu rõ lý do) \*/ *and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company:*

*\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng)/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*………. tại công ty chứng khoán/ *In securities company: ……………….*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):*

7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:*

8. Số lượng quyền mua *(đối với giao dịch quyền mua)* hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu)* đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng \*\*/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) traded to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:*

9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from* ………. đến ngày/*to*…….

|  |  |
| --- | --- |
| \*\* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/ \* *(In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)* | **CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION*** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - in case of organization)* |